

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀN KIẾM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08/11/2021

V/v: *Tranh chấp ly hôn, con chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trương Thị Thu Hương**

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Hồ Bình

Bà Đào Phương Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Việt Anh - Thư ký Toà án nhân dân quận Hoàn Kiếm.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Huyền Trang** - Kiểm sát viên

Ngày 08/11/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hoàn Kiếm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 56/2021/TLST-HNGĐ ngày 01/7/2021 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 05/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2021/QĐST- HNGĐ ngày 21/10/2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Lê Thị D, sinh năm 1977**

HKTT và nơi ở: số 14 tập thể MĐ, phường, quận, Hà Nội (số mới: 30B ngõ 823 đường HH, phường C, quận H, Hà Nội)

(Có mặt tại phiên tòa)

*** Bị đơn: Anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1978**

HKTT và nơi ở: HKTT và nơi ở: số 14 tập thể MĐ, phường, quận, Hà Nội (số mới: 30B ngõ 823 đường HH, phường C, quận H, Hà Nội)

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Lê Thị D trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Thành N đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 4 năm 2008 tại UBND phường C, quận H, thành phố H. Sau khi kết hôn, Chị D và anh N về chung sống với nhau tại địa chỉ số 14 tập thể Máy Đèn, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội (số mới: 30B ngõ 823 đường Hồng Hà, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội). Quá trình chung sống, anh chị không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, không có sự cảm thông và động viên chia sẻ với nhau, thường xuyên cãi vã. Anh N nợ nần xã hội đen, chúng gọi điện đến số điện thoại của Chị D đòi nợ, đe dọa gây căng thẳng tinh thần cho Chị D. Anh N còn nghiện ma túy, không giúp đỡ Chị D về kinh tế, không chăm lo cho gia đình và vợ con. Mặc dù gia đình hai bên đã hòa giải để anh chị quay lại với nhau nhưng vẫn không có kết quả. Chị D đã tha thứ và khuyên nhủ anh N nhiều lần để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh N không thay đổi. Mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trở nên trầm trọng. Chị D vô cùng mệt mỏi, không thể tập trung làm việc được, ảnh hưởng rất nhiều đến công việc của chị và các con. Anh chị ly thân từ năm 2016 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai, kinh tế của ai người đầy lo. Đến nay, chị xác định không còn tình cảm với anh N do những khúc mắc giữa vợ chồng không thể hóa giải, đời sống vợ chồng không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Việc Chị D làm đơn ly hôn ra Tòa án, anh N có biết nhưng anh cố tình không đến làm việc. Bản thân Chị D cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng vì vậy Chị D đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải giữa vợ chồng anh chị và đề nghị Tòa án sớm đưa vụ án ra xét xử, nếu không tình trạng này kéo dài, Chị D sẽ bị ảnh hưởng nặng nề về tâm lý.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 26/10/2008. Sau khi ly hôn, Chị D có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh N đóng góp gì.

Về tài sản chung và công nợ: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn – Anh Nguyễn Thành N:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh N hợp lệ nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án như sau:**

- Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Thẩm phán lập hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng và tiến hành trình tự, thủ tục tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không đến Tòa án để làm việc mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng vi phạm các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ điều 56, điều 81, 82, 83,84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị D, giao con chung cho Chị D nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh N, tài sản chung, công nợ không xem xét giải quyết và Chị D phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

* **Về thủ tục tố tụng:** Tòa án đã niêm yết, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu anh Nguyễn Thành N đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với Chị D nhưng anh N vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt anh N là đúng quy định của pháp luật.

* **Về quan hệ hôn nhân:** Chị D và anh N đăng ký kết hôn tự nguyện vào ngày 09 tháng 4 năm 2008 tại UBND phường C, quận H, thành phố H nên đây là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn và đến năm 2016 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có sự cảm thông, động viên và chia sẻ với nhau. Bản thân anh chị cũng ly thân với nhau từ năm 2016, không ai quan tâm đến ai, kinh tế của ai người đẩy tự lo. Nay, Chị D không còn tình cảm vợ chồng gì với anh N nữa và kiên quyết ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị D và anh N đã căng thẳng, trầm trọng kéo dài, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị D đối với anh N.

* **Về con chung:** Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 26/10/2008. Hiện nay, cháu Hưng đang ở với Chị D. Để đảm bảo việc ăn ở, học hành của các cháu không bị xáo trộn, Chị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Hưng nên Hội đồng xét xử thấy rằng cần để cháu H cho Chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Mặt khác, Chị D có thu nhập ổn định khoảng 07 triệu đồng một tháng từ Công ty cổ phần may Thăng Long nên cũng đảm bảo điều kiện chăm sóc tốt cho con.

Chị D không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

* **Về tài sản chung và công nợ:** Chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

* **Về án phí:** Chị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị D đối với anh Nguyễn Thành N. Chị D được ly hôn với anh N.

2. Về con chung: anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 26/10/2008. Sau khi ly hôn, giao cho chị Lê Thị D được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung kể từ tháng 11/2021. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh Nguyễn Thành N cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Thành N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và công nợ: Chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai số 0051176 ngày 30/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

Án xử công khai sơ thẩm.

Chị Lê Thị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Thành N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP H;
- VKSND q. H;
- THADS q. H;
- UBND phường C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thu Hương